

Số: 59 /QĐ-ĐVSG

TP.HCM, ngày 15 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Truyền thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI VIỆT SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-BGDĐT ngày 4 tháng 7 năm 2007 Quyết định số 5983/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2007 về thành lập Trường và theo Quyết định số 818/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên thành Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Truyền thông hệ Cao đẳng ngày 07 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Truyền thông, khóa 17.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HDQT; BGH (để b/cáo)
- Như Điều 3;
- Lưu VT,ĐT.



THS. Dương Công Hiếu

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 59/QĐ-ĐVSG-ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn)

- Tên ngành, nghề : Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông
- Mã ngành, nghề : 6510312
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tham gia dự tuyển, xét tuyển vào Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề phương tuyển sinh riêng của trường.
- Thời gian đào tạo : 2,5 - 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên trở thành kỹ sư điện tử - truyền thông có trình độ văn hoá, chuyên môn và năng lực thực hành bậc cao đẳng, có tiềm năng phát triển và khả năng thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật sản xuất, và các vị trí tương ứng sau khi tốt nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

- + Trình bày được nguyên lý, cấu tạo và các tính năng, tác dụng của các loại thiết bị điện, khái niệm cơ bản, quy ước sử dụng trong ngành điện tử - truyền thông;
- + Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế của nghề điện và phân tích được nguyên lý các bản vẽ thiết kế điện như bản vẽ cấp điện, bản vẽ nguyên lý mạch điều khiển;
- + Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế cấp điện và đặt phụ tải cho các hộ dùng điện xác định (một phân xưởng, một hộ dùng điện);
- + Vận dụng được các nguyên tắc trong lắp ráp, sửa chữa các thiết bị điện tử - truyền thông;
- + Nắm vững các kiến thức về quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất, điều khiển các trạm điện, lưới điện; hệ thống mạng viễn thông;
- + Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để giải thích các tình huống trong lĩnh vực điện tử - truyền thông.

1.2.2. Về Kỹ năng

- Kiểm tra, giám sát việc thi công lắp đặt hoàn thiện nội thất theo đúng qui chuẩn, tiêu chuẩn qui định, đúng yêu cầu kỹ thuật;

- Tư vấn khách hàng các dịch vụ thiết kế
- Triển khai được hồ sơ bản vẽ theo yêu cầu và kết quả tính toán của cán bộ chủ trì thiết kế;

Đọc hiểu được hồ sơ bản vẽ thiết kế; lựa chọn được nội dung và phạm vi áp dụng của từng tiêu chuẩn trong thiết kế

1.2.3. Về năng mức độ tự chủ và trách nhiệm

+ Lắp đặt được hệ thống cấp điện của một xí nghiệp, một phân xưởng vừa và nhỏ đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Sinh viên có khả năng lập được quy trình thiết kế, thi công, lắp đặt và sửa chữa, thay thế các thiết bị, dây chuyền công nghệ, công trình điện, trạm điện, thiết bị điện - điện tử... Áp dụng những kiến thức chuyên môn để phân tích, đánh giá và thực hiện các công việc liên quan ngành điện tử - truyền thông;

+ Sửa chữa, bảo trì và chỉnh định được các thiết bị điện tử - truyền thông trên các dây chuyền sản xuất, trên các hệ thống thông tin đảm bảo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật;

+ Phán đoán đúng và sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các hệ thống điều khiển tự động cơ bản;

+ Đọc, hiểu, lắp đặt và vận hành được các thiết bị điện có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn.

+ Hướng dẫn, giám sát kỹ thuật được các tổ, nhóm lắp đặt mạng điện hạ áp và mạch điện điều khiển trong hệ thống điện tử - truyền thông;

+ Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;

+ Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp làm việc tại bộ phận: Tổng đài, đường truyền dẫn mạng viễn thông, trạm thu phát vô tuyến...; Thiết kế, giám sát, khai thác và vận hành các hệ thống và thiết bị điện tử - truyền thông; Thi công và triển khai bảo trì, sửa chữa, cải tiến nâng cấp các hệ thống điện tử - truyền thông; Quản lý, sử dụng và phân phối cũng như tư vấn các sản phẩm điện tử, điện tử viễn thông; Tổ chức hoạt động kinh doanh, đào tạo và nghiên cứu thiết bị điện tử, điện tử viễn thông;

1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên

trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun	: 48 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học	: 106 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương	: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn	: 2070 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 819 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm	: 1337 giờ
- Giờ thi, kiểm tra	: 124 giờ

3. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra
I. Các môn học chung							
1	020001	Chính trị	4	75	41	29	5
2	020002	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
3	020003	Tin học đại cương	3	75	15	58	2
4	020004	Tiếng anh căn bản	5	120	42	72	6
5	020005	Giáo dục Quốc phòng An ninh		75	36	35	4
6	020006	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
Tổng			14	435	157	255	23
II. Các môn học cơ sở ngành							
7	022601	Kỹ thuật điện	2	30	28	0	2
8	022602	Toán cao cấp	2	30	29	0	1
9	022603	Xác suất thống kê	2	30	29	0	1
10	022604	Thực hành Kỹ thuật điện	2	45	15	28	2
11	022605	Kỹ thuật điện tử	2	30	28	0	2
12	022606	Thực hành Kỹ thuật điện tử	2	45	15	28	2
13	022607	Kỹ thuật đo lường điện tử	2	30	28	0	2
14	022608	Thực hành Kỹ thuật đo lường điện tử	2	45	15	28	2
15	022609	Điện tử công suất	2	30	28	0	2
16	022610	Thực hành Điện tử công suất	2	45	15	28	2
17	022611	Kỹ thuật xung - số	3	45	42	0	3
18	022612	Thực hành Kỹ thuật xung - số	2	45	15	28	2
19	022613	Kỹ thuật vi xử lý	2	30	28	0	2
20	022614	Thực hành Kỹ thuật vi xử lý	2	45	15	28	2
21	022615	An toàn điện	2	30	28	0	2
22	022616	Proteus	2	45	15	28	2
Tổng			33	600	283	196	31
III. Các môn học chuyên ngành							

STT	Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số Tin chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra
23	022617	Kỹ thuật truyền số liệu	2	30	28	0	2
24	022618	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	29	0	1
25	022619	Thực hành Kỹ thuật truyền số liệu	2	45	15	28	2
26	022620	Kỹ thuật lập trình PLC	2	30	28	0	2
27	022621	Thực hành Kỹ thuật lập trình PLC	2	45	15	28	2
28	022622	Thiết kế mạch điện tử	2	30	28	0	2
29	022623	Thực hành Thiết kế mạch điện tử	2	45	15	28	2
30	022624	Kỹ thuật ghép kênh	2	30	28	0	2
31	022625	Hệ thống và thiết bị đầu cuối viễn thông	2	30	28	0	2
32	022626	TH Hệ thống và thiết bị đầu cuối viễn thông	2	45	15	28	2
33	022627	Kỹ thuật chuyển mạch	2	30	28	0	2
34	022628	Matlab	3	60	28	28	4
35	022629	Thông tin di động	2	30	28	0	2
36	022630	Thực hành Thông tin di động	2	45	15	28	2
37	022631	Thiết kế mạng	3	60	28	28	4
38	022632	An ninh mạng	2	45	14	28	3
39	022633	Truyền hình kỹ thuật số	2	30	28	0	2
40	022634	Thực hành Truyền hình kỹ thuật số	2	45	15	28	2
41	022635	Anten truyền sóng	2	30	28	0	2
42	022636	Thực hành Anten truyền sóng	2	45	15	28	2
43	022637	Thông tin quang	2	30	28	0	2
44	022638	Thực hành Thông tin quang	2	45	15	28	2
45	022639	ĐAMH Thiết kế mạch điện tử và hệ thống thông tin	2	45	15	28	2

STT	Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra
		viễn thông					
46	022641	Học kỳ doanh nghiệp	2	120	0	110	10
47	022640	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
Tổng			54	1245	379	666	65
IV. Đồ án tốt nghiệp							
48	022642	Đồ án tốt nghiệp	5	225	0	220	5
Tổng			5	225	0	220	5
Tổng cộng			106	2505	819	1337	124

* Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút
- 1 tiết học thực hành/tích hợp = 60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết
- 1 tín chỉ thực hành = 30 tiết

(tại phòng thực hành, thảo luận ..)

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH về việc Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* Cách tính điểm TBC kiểm tra: Trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thái độ: Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ: Trọng số 0,7

=> Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)

* Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và yêu cầu của môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

4.4. Hướng dẫn làm Đồ án tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình mới được làm Đồ án tốt nghiệp. Khoa Kỹ thuật Công nghệ có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm đồ án theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên.



SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã ngành: 6510312

